

Bản án số: 02/2018/DS-ST

Ngày: 09/01/2018

“V/v tranh chấp nợ hụi và vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Thành**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông **Nguyễn Thành Dân**

2/. Ông **Nguyễn Thanh Tùng**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Lai Thị Thùy Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Nguyệt Hân** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2017/TLST-DS, ngày 17 tháng 11 năm 2017 về: “*Tranh chấp nợ hụi và vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2017/QĐXX-ST ngày 20 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lý Thị Đ, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Trung B, xã Tuân T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Lý Thị Đ bà Trần Thị Hồng Y (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Trung B, xã Tuân T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc P, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Kiết L, xã Lâm T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Văn Đ (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Kiết L, xã Lâm T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Dương Văn Đ bà Trần Thị Ngọc P (có mặt), văn bản ủy quyền ngày 11/12/2017.

4. Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn Ú (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng (ông Ú có đơn xin vắng mặt ngày 20/12/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2017 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn cũng như lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa, vụ án có nội dung như sau:

Vào năm 2013 bị đơn P có nợ nguyên đơn số tiền hụi là 43.000.000 đồng do nguyên đơn mua 10 chân hụi ngày của bị đơn, mỗi chân 50.000 đồng, dây hụi có 100 phần. Đến ngày 20/10/2015 bị đơn Phượng vay của nguyên đơn thêm 10.000.000 đồng với lãi suất 5%/tháng, khi vay không có thỏa thuận thời gian trả. Bị đơn P có làm giấy nhận nợ tổng cộng là 53.000.000 đồng vào ngày 20/11/2015. Từ khi vay đến nay bị đơn P chỉ đóng lãi được 01 tháng là 500.000 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Trần Thị Ngọc P và chồng là ông Dương Văn Đ liên đới trả cho nguyên đơn tiền nợ hụi 43.000.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền vay tính lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày 20/11/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại Tờ tường trình ngày 01/12/2017, Biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2017, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Trần Thị Ngọc P trình bày: Bị đơn và nguyên đơn Lý Thị Đ có tham gia chơi nhiều dây hụi với nhau sự việc đã được Tòa án giải quyết dứt điểm nên bị đơn không còn thiếu tiền hụi 43.000.000 đồng như nguyên đơn Đ trình bày, bị đơn thừa nhận có thiếu tiền vay của nguyên đơn 10.000.000 đồng và bị đơn đồng ý trả 10.000.000 đồng cùng tiền lãi theo qui định của Nhà nước cho nguyên đơn.

Quan điểm của Viện kiểm sát như sau: Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lý Thị Đ buộc bị đơn Trần Thị Ngọc P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Văn Đ liên đới trả tiền nợ hụi 43.000.000 đồng và tiền vay 10.000.000 đồng cùng với lãi suất theo qui định của pháp luật từ ngày 20/11/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Hội đồng xét xử nhận thấy theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Lý Thị Đ yêu cầu bị đơn Trần Thị Ngọc P trả tiền nợ hụi và tiền vay nên tranh chấp giữa các đương sự là: “*Tranh chấp nợ hụi và vay tài sản*” theo qui định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và bị đơn Trần Thị Ngọc P có địa chỉ tại ấp Kiết L, xã Lâm T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Do đó, Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố Tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Văn Đ và người làm chứng Nguyễn Văn Ú, nhưng ông Đ có văn bản ủy quyền cho bà Trần Thị Ngọc P, ông Nguyễn Văn Ú có bản tự khai và có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 228, Khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố Tụng Dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Văn Đ và người làm chứng Nguyễn Văn Ú.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện là yêu cầu tòa án giải quyết buộc bị đơn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đ trả tiền nợ hụi 43.000.000 đồng, tiền vay 10.000.000 đồng và trả lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 20/11/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị đơn P đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Văn Đ không thừa nhận nợ hụi 43.000.000 đồng, chỉ thừa nhận có thiếu nguyên đơn 10.000.000 đồng tiền vay.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lý Thị Đ Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn cung cấp được chứng cứ cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là giấy nhận nợ ngày 20/11/2015, theo nội dung giấy nhận nợ thể hiện bị đơn P có nợ tiền hụi 43.000.000 đồng và nợ tiền vay 10.000.000 đồng của nguyên đơn, lời trình bày này của nguyên đơn phù hợp với lời trình bày của người làm chứng Nguyễn Văn Ú tại bản tự khai ngày 20/12/2017 có trong hồ sơ được công bố tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn P thừa nhận chữ ký trong giấy nhận nợ ngày 20/11/2015 là của bị đơn, nhưng bị đơn cho rằng không còn thiếu tiền hụi như nguyên đơn trình bày phần tiền hụi giữa bị đơn và nguyên đơn đã được Tòa án nhân dân huyện Thạnh T giải quyết xong nên bị đơn không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy, lời trình bày này của bị đơn P là không phù hợp vì tại đơn khởi kiện ngày 10/11/2014 của nguyên đơn Đ cũng như tại Biên bản hòa giải ngày 09/11/2015 của Tòa án không có đề cập đến phần tiền mua hụi 43.000.000 đồng, tại biên bản hòa giải nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận bị đơn trả cho nguyên đơn 185.990.000 đồng là tiền nợ của 03 dây hụi, sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn được công nhận tại Quyết định số 51/2015/QDST-DS ngày 17/11/2015, đến ngày 20/11/2015 bị đơn mới ký giấy nhận nợ điều này thể hiện số tiền nợ hụi do nguyên đơn mua hụi 43.000.000 đồng của bị đơn chưa được giải quyết và bị đơn còn nợ như trình bày của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ hụi 43.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Đối với phần tiền vay bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn vốn vay 10.000.000 đồng và đồng ý trả vốn vay cùng lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn, sự thừa nhận này của bị đơn thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo qui định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Còn về phần tiền lãi nguyên đơn trình bày là bị đơn đóng tiền lãi được 01 tháng là 500.000 đồng, còn bị đơn cho rằng đã đóng lãi cho nguyên đơn 02 tháng là 1.000.000 đồng nhưng khi đóng lãi không có

làm giấy tờ, không có người chứng kiến, nguyên đơn không thừa nhận lời trình bày của bị đơn và bị đơn không chứng minh được là đã đóng lãi cho nguyên đơn 02 tháng với số tiền là 1.000.000 đồng. Do đó, lời trình bày này của bị đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử xác định bị đơn đã đóng lãi cho nguyên đơn được 01 tháng là 500.000 đồng theo thừa nhận của nguyên đơn. Tuy nhiên, mức lãi suất nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận 5%/tháng là quá cao so với qui định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên được điều chỉnh lại cho phù hợp với qui định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Phần tiền lãi được tính cụ thể như sau:

(10.000.000 đồng x 1,66%/tháng từ ngày 20/11/2015 đến ngày 20/12/2015) là 166.000 đồng, bị đơn đã đóng 500.000 đồng là thừa 334.000 đồng, được trừ vào vốn vay (10.000.000 đồng – 334.000 đồng) = 9.666.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 20/12/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 09/01/2018 là 24 tháng 21 ngày (9.666.000 đồng x 1.66% x 24 tháng 21 ngày) là 3.963.000 đồng (được làm tròn số). Vì vậy vốn và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là (9.666.000 đồng + 3.963.000 đồng) là 13.629.000 đồng.

[6] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Văn Đ tuy không trực tiếp chơi hụi và vay tiền của nguyên đơn nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Văn Đ có quan hệ là vợ chồng với bị đơn P, việc chơi hụi và vay tiền của bị đơn P có thu nhập phục vụ cho sinh hoạt của gia đình, nên khoản nợ của bị đơn được xem là khoản nợ chung của gia đình. Do đó, theo qui định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Văn Đ phải có nghĩa vụ cùng trả nợ với bị đơn.

[7] Từ những căn cứ nêu trên xét thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa và yêu cầu của nguyên đơn Lý Thị Đ về việc buộc bị đơn Trần Thị Ngọc P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Văn Đ trả tiền nợ hụi và tiền vay cùng lãi suất là có cơ sở nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Đồng thời, buộc bị đơn Trần Thị Ngọc P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Văn Đ liên đới trả tiền nợ hụi 43.000.000 đồng, tiền vay và lãi suất 13.629.000 đồng. Tổng cộng là: 56.629.000 đồng (năm mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn đồng) cho nguyên đơn Lý Thị Đ. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Văn Đ phải chịu (56.629.000 đồng x 5%) là 2.831.500 đồng (được làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 228 ; Khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 463; 466; 468; 471 Bộ luật Dân sự, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lý Thị Đ.

1. Buộc bị đơn Trần Thị Ngọc P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Văn Đ liên đới trả tiền nợ hui 43.000.000 đồng và trả tiền vay cùng lãi suất 13.629.000 đồng. Tổng cộng là: 56.629.000 đồng (năm mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn đồng) cho nguyên đơn Lý Thị Đ. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án .

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Văn Đ liên đới phải chịu là: 2.831.500 đồng (hai triệu tám trăm ba mươi một ngàn năm trăm đồng), hoàn trả cho nguyên đơn Đèo 1.408.000 đồng (một triệu bốn trăm lẻ tám ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009031 ngày 13/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thành

